TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **236**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2018
V/v: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Phượng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng**

2. Ông **Trần Thành Chúng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Chúc Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **18** tháng **7** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2018/QĐST – HNGĐ ngày 22/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị B,** sinh năm 1971

ĐKNKTT: Tổ 6, ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 697, ấp Châu Long 6, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà B có mặt; ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Trần Thị B, trình bày: Hôn nhân của bà với ông Nguyễn Văn D là do tự tìm hiểu, sống chung vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang ngày 14/8/2015. Bà với ông D sống chung tại ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang, đến năm 2016 thì đi làm công nhân ở Đồng Nai. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D uống rượu, không chăm lo gia đình, nên khoảng cuối năm 2016 bà bỏ đi và ly thân với ông D cho đến nay. Nhận thấy bà với ông D đã không còn tình cảm và không thể sống chung, vì vậy bà yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Bà với ông D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà B cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ gồm: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

Ông Nguyễn Văn D trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà B, hôn nhân của ông với bà B là do tự tìm hiểu, sống chung từ năm 2015, đến năm 2016 thì bà B bỏ đi và ly thân với ông cho đến nay. Ông thừa nhận mình có uống rượu nhưng ông sẽ thay đổi. Ông còn tình cảm với bà B nên không đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông với bà B không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án:

Theo biên bản xác minh ông Lâm Văn S - phó ấp V cung cấp ông D vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 682 ngày 23/11/2007 do bà Trần Thị P làm chủ hộ.

Biên bản làm việc với bà Trương Thị C – chị dâu thứ năm ông D, sống gần nhà cho biết: ông D với bà B sống chung từ năm 2015 nhưng thường xuyên cải nhau, khi đi làm công nhân trên Đồng Nai thì hai bên không còn sống chung cho đến nay. Theo bà thì khả năng hàn gắn của B – D là không thể. B và D cũng không có con chung, tài sản chung và nợ chung thì bà không biết.

Tại phiên toà hôm nay: Bà B vẫn yêu cầu xin ly hôn với ông D, xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông D vắng mặt lần thứ hai. Do đó, HĐXX nghĩ nên xét xử vắng mặt ông D theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B; về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết*: Bà Trần Thị B với ông Nguyễn Văn D tự tìm hiểu, sống chung từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang ngày 14/8/2015, là hôn nhân hợp pháp nên yêu cầu xin ly hôn của bà B được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà B với ông D tiến tới hôn nhân là do tự tìm hiểu, sống chung vào năm 2015, hai bên phát sinh mâu thuẫn, sau đó ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà B yêu cầu xin ly hôn với ông D nhưng ông D không đồng ý ly hôn.

Xét nguyên nhân mà bà B yêu cầu xin ly hôn với ông D thì ông D cũng thừa nhận mâu thuẫn xuất phát từ việc ông uống rượu, không chăm lo gia đình, ngoài ra theo biên bản lời khai của bà C – chị dâu cũng là người sống gần nhà ông D cung cấp thì bà B và ông D thường xuyên cải nhau, khả năng hàn gắn của bà B và ông D là không thể, do đó hôn nhân giữa bà B và ông D thực tế không thể hàn gắn bởi không còn sống chung, đã ly thân từ năm 2016 đến nay, do đó việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Không có.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

[5] *Về án phí*: Bà B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0002722 ngày 04/01/2018 (bà B đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Lâm Ngọc Phượng